

Nghiên cứu thực trạng kiểm soát chất lượng chăn nuôi heo thịt theo VietGAPH tại huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh

Hoàng Mạnh Dũng^{1*} và Dương Quốc Hoàng²

¹Trường Đại học Thủ Dầu Một

²Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh

TÓM TẮT

Quy trình thực hành chăn nuôi tốt (VietGAHP - Vietnamese Good Animal Husbandry Practices) là áp dụng những nguyên tắc, trình tự, thủ tục trong chăn nuôi nhằm đảm bảo vật nuôi được nuôi dưỡng đạt các yêu cầu về chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm, đảm bảo phúc lợi xã hội, sức khỏe người sản xuất và người tiêu dùng, bảo vệ môi trường và truy nguyên nguồn gốc sản phẩm. Huyện Dương Minh Châu đứng đầu trong chăn nuôi heo trên địa bàn tỉnh Tây Ninh với số lượng đàn heo năm 2019 đạt 92500 con vào năm 2019. Song phổ biến là chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ, phân tán, năng suất thấp, khó kiểm soát dịch bệnh, sản phẩm hàng hóa có giá trị gia tăng thấp. Nghiên cứu về thực trạng kiểm soát chất lượng tại các trang trại theo VietGAPH tại huyện Dương Minh Châu góp phần hình thành mối liên kết trong chăn nuôi heo thịt thích nghi với bối cảnh hội nhập kinh tế thế hệ mới.

Từ khóa: VietGAPH, kiểm soát chất lượng trong chăn nuôi heo thịt, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Năm 2019 là một năm gặp nhiều biến cố đối với ngành chăn nuôi heo, do chịu thiệt hại nặng nề từ dịch bệnh dịch tả heo châu phi. Sản lượng thịt heo giảm sâu dẫn đến tổng sản lượng thịt hơi các loại giảm gần 4% so với năm 2018. Tỷ trọng sản lượng các loại thịt hơi có sự thay đổi đáng kể so với năm 2018 khi có dịch; tỷ trọng sản lượng thịt heo chiếm 65,6% trong tổng sản lượng thịt hơi các loại (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - NN&PTNT, 2019). Tổng đàn heo sụt giảm mạnh, tổng đàn heo của cả nước tháng 12 năm 2019 giảm 25,5% so với thời điểm năm 2018 (Tổng cục Thống kê, 2019). Trước bối cảnh trên, phát triển chăn nuôi trang trại áp dụng theo VietGAHP là một biện pháp phòng ngừa hữu hiệu nhất. Qua đó loại trừ được những thách thức đã gặp phải trên phạm vi tỉnh Tây Ninh. Chăn nuôi heo thịt theo VietGAHP là một phương thức chăn nuôi tiên tiến; trong đó, kiểm soát chất lượng giúp ngăn ngừa và hạn chế rủi ro từ các mối nguy ảnh hưởng tới an toàn, chất lượng sản phẩm, môi trường, sức khỏe, an toàn lao động và an sinh xã hội (Bộ NN&PTNT, 2015).

Từ đó góp phần hoàn thiện chuỗi giá trị trong ngành chăn nuôi heo thịt cũng như nâng cao thu nhập của các bên có liên quan. Bài nghiên cứu cũng cung cấp thông tin cho quá trình nghiên cứu cũng như giảng dạy về kiểm soát chất lượng như một minh chứng cụ thể trong lĩnh vực quản trị chất lượng.

2. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU

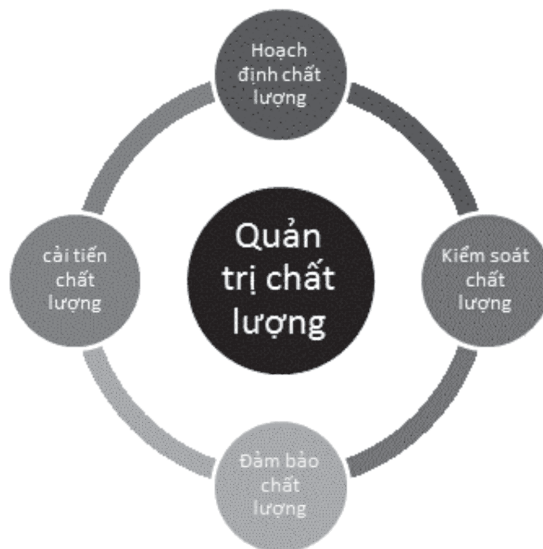
2.1. Sự phát triển của phương thức chăn nuôi tiên tiến trên thế giới và ASEAN

- GlobalGAP được chuyển từ EurepGAP vào ngày 07 tháng 9 năm 2007. GlobalGAP đã có 35 thành viên bán lẻ và dịch vụ thực phẩm gồm 34 thành viên ở châu Âu và Nhật bản. GlobalGAP khuyến khích áp dụng tự nguyện cho sản xuất nông nghiệp trên toàn cầu. Tiêu chuẩn này bao hàm toàn bộ các quá trình sản xuất ra sản phẩm, từ đầu vào trang trại như thức ăn, giống và các hoạt động nuôi trồng cho đến khi thành phẩm và rời khỏi trang trại đến tay người tiêu dùng (TNVCert, GLOBAL GAP, 2020).

Tác giả liên hệ: TS. Hoàng Mạnh Dũng
Email: dungmh@tdmu.edu.vn

- **AseanGAP:** Do Ban thư ký của ASEAN xây dựng với đại diện các nước thành viên và được đưa ra từ năm 2006. Đây là một bộ tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt trong cả quá trình sản xuất, thu hoạch và xử lý sau thu hoạch ở các nước trong ASEAN (TNVCert, GLOBAL GAP, 2020).
- **MalaysiaGAP:** Do Bộ Nông nghiệp trực tiếp điều hành đưa vào hệ thống chứng nhận trang trại chính thức của Malaysia vào năm 2002. SALM là một chương trình chứng nhận các trang trại đã tuân thủ thực hành nông nghiệp tốt, hoạt động theo phương thức bền vững và thân thiện với môi trường cùng năng suất, chất lượng sản phẩm an toàn cho tiêu dùng (TNVCert, GLOBAL GAP, 2020).
- **VietGAHP:** Thực hành sản xuất chăn nuôi tốt là những nguyên tắc, trình tự, thủ tục hướng dẫn tổ chức, cá nhân sản xuất áp dụng trong chăn nuôi; nhằm đảm bảo loại động vật được nuôi dưỡng, để đạt được các yêu cầu về chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm, đảm bảo phúc lợi xã hội, sức khỏe người sản xuất và người tiêu dùng, bảo vệ môi trường và truy nguyên nguồn gốc sản phẩm (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2015).

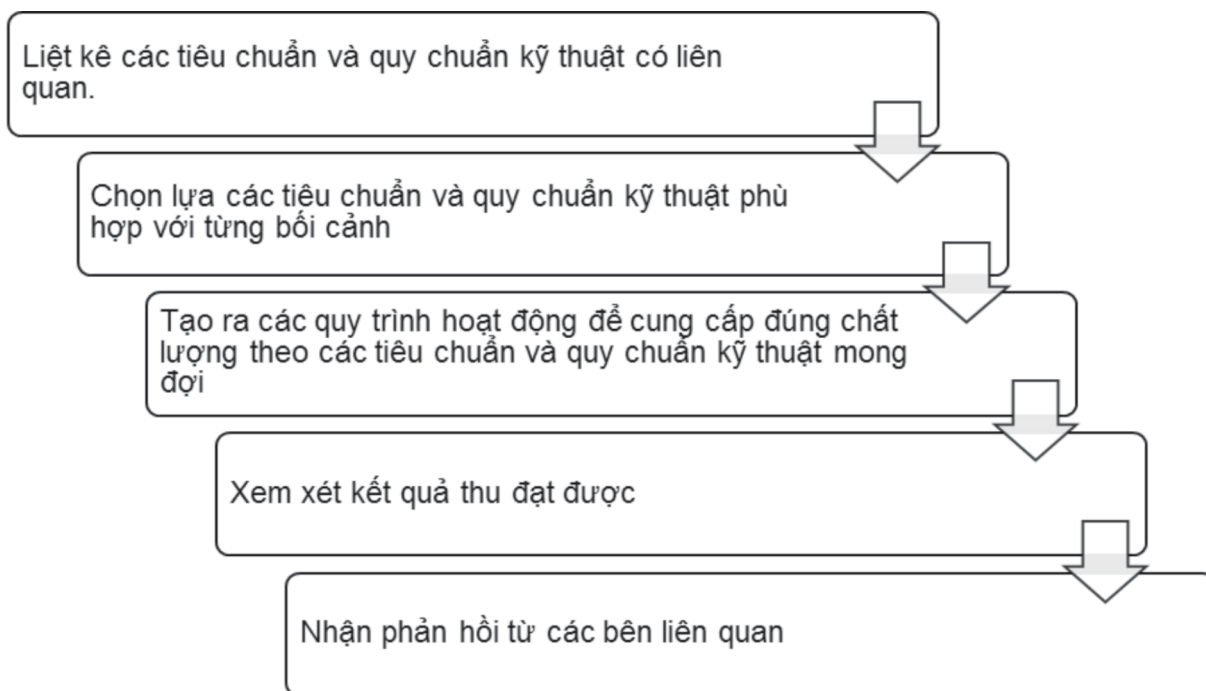
2.2. Kiểm soát chất lượng hoạt động chăn nuôi heo thịt theo VietGAHP



Hình 1. Các chức năng của quản trị chất lượng

- KSCL là một chức năng trong quản trị chất lượng theo ISO 9000:2015. KSCL là kiểm soát các quá trình tạo ra sản phẩm, dịch vụ thông qua kiểm soát các yếu tố như con người, máy móc, nguyên vật liệu, phương pháp, thông tin và môi trường làm việc (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2015).

Các bước tiến hành kiểm soát chất lượng gồm:



Hình 2. Các bước tiến hành kiểm soát chất lượng (Hoàng Mạnh Dũng, 2019).

2.3. Phương pháp nghiên cứu và thu thập dữ liệu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính dựa vào văn bản quy phạm pháp luật, thủ tục hành chính được công bố. Dữ liệu thứ cấp được thu thập trong 3 năm 2017-2019 từ các tài liệu về tình hình phát triển chăn nuôi heo theo VietGAHP của Bộ NN&PTNT, UBND tỉnh Tây Ninh; báo cáo của Sở NN&PTNT tỉnh Tây Ninh; báo cáo của UBND huyện Dương Minh Châu; tạp chí khoa học; số liệu thống kê của Tổng cục và Chi cục Thống kê. Qua đó thể hiện xu hướng đang phát triển về lĩnh vực nghiên cứu. Phạm vi điều tra là tổng thể các trang trại chăn nuôi heo thịt tại huyện Dương Minh Châu (gọi tắt là huyện) gồm: Các trang trại thực hiện VietGAHP với 48 hộ và các trang trại chưa thực hiện VietGAHP với 71 hộ (Hoàng Mạnh Dũng và Dương Quốc Hoàng, 2020).

2.4. Các nghiên cứu trước có liên quan

2.4.1. Các công trình nước ngoài có liên quan

Theo Harwood và cộng sự (2006), “Phân tích kinh tế về chi phí sản phẩm chăn nuôi heo công nghiệp” được trình bày tại Báo cáo hội nghị sản phẩm trang trại vật nuôi công nghiệp của Mỹ. Nghiên cứu chỉ ra các yếu tố tác động đến hiệu quả chăn nuôi heo trang trại là giống, thuốc thú y, môi trường nuôi sạch sẽ (không khí, nước), thức ăn.

Theo Cher Brethour & Beth Spaling (2006), “Tác động kinh tế và môi trường của khu vực nông nghiệp, trường hợp nghiên cứu trang trại chăn nuôi heo”. Mục đích đánh giá tác động kinh tế và môi trường của chăn nuôi heo trang trại ở Canada.

Theo Chia-Lin Chang & Bing-Wen (2009), “Mô hình không đối xứng trong giá heo ở Đài Loan: Tác động của việc gia nhập WTO”. Nghiên cứu chỉ ra trong và sau khi Đài Loan gia nhập WTO sẽ tác động mạnh mẽ đến giá cả của ngành chăn nuôi heo trang trại – là ngành công nghiệp chăn nuôi lợn nhất ở Đài Loan với 12.508 trang trại

heo, gần triệu con heo, đóng góp 45,5% lượng thực phẩm (2007) và là ngành xuất khẩu lớn, sản lượng xuất khẩu tăng đều qua các năm.

2.4.2. Các công trình trong nước có liên quan

Theo Nguyễn Ngọc Xuân và Nguyễn Hữu Ngoan (2014), “Hiệu quả kinh tế chăn nuôi heo tập trung theo hướng thực hành nông nghiệp tốt của các hộ nông dân ngoại thành Hà Nội”. Nghiên cứu cho thấy chăn nuôi heo theo hướng thực hành nông nghiệp tốt là phương thức chăn nuôi mang lại hiệu quả kinh tế và bảo vệ môi trường, đáp ứng yêu cầu thực phẩm an toàn cho người tiêu dùng.

Theo Phạm Xuân Thanh và cộng sự (2014), “Phát triển chăn nuôi lợn thịt trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”. Chăn nuôi lợn thịt đóng vai trò quan trọng trong ngành nông nghiệp của tỉnh Thanh Hóa. Nghiên cứu đánh giá đúng thực trạng và xác định những thuận lợi, khó khăn trong phát triển chăn nuôi lợn thịt ở địa bàn nghiên cứu. Từ những đánh giá đó, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp phát triển chăn nuôi lợn thịt trong thời gian tới.

Theo Lê Thị Mai Hương (2017), “Phát triển mô hình trang trại chăn nuôi heo theo hướng hội nhập quốc tế ở Đồng Nai”. Luận án đánh giá sự phát triển của các trang trại chăn nuôi heo ở Đồng Nai trên nhiều khía cạnh khác nhau ảnh hưởng đến sự phát triển của trang trại chăn nuôi trong quá trình hội nhập quốc tế.

Theo Trần Thanh Hùng (2017), “Phát triển chăn nuôi lợn ở tỉnh Thừa Thiên Huế”. Nghiên cứu tập trung làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển chăn nuôi lợn; đánh giá sự phát triển chăn nuôi lợn trên các khía cạnh: Quy mô, tăng trưởng và cơ cấu; mối quan hệ phát triển giữa chăn nuôi lợn với ngành chăn nuôi và ngành nông nghiệp; quy hoạch và cơ sở hạ tầng phát triển chăn nuôi; thị trường đầu vào và tiêu thụ sản phẩm; hiệu quả chăn nuôi lợn về kinh tế, xã

hội và môi trường; phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển chăn nuôi lợn thịt ở tỉnh Thừa Thiên Huế.

Qua lược khảo tài liệu chưa phát hiện các nghiên cứu chuyên biệt về kiểm soát chất lượng trong chăn nuôi thịt theo VietGAPH trên phạm vi lãnh thổ của Việt Nam.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Sơ nét về bối cảnh chăn nuôi heo thịt tại huyện Dương Minh Châu

Huyện có 11 đơn vị hành chính cấp xã, thị trấn. Dân số của huyện là 109.426 người (2019).

Tổng diện tích đất tự nhiên là 57.400 ha; trong đó, đất nông nghiệp và lâm nghiệp 43.558,66 ha, chiếm 75,89%; đất phi nông nghiệp 13.841,77 ha, chiếm 24,11%. Địa hình huyện Dương Minh Châu thích hợp cho phát triển chăn nuôi trang trại lớn. Là huyện đứng đầu trong chăn nuôi heo trên địa bàn tỉnh Tây Ninh với số lượng đàn heo năm 2019 đạt 92500 con (Chi cục Thống kê huyện, 2019). Song, vẫn phổ biến là chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ, phân tán, năng suất thấp, khó kiểm soát dịch bệnh, sản phẩm hàng hoá có giá trị gia tăng thấp.



Hình 3. Bản đồ hành chính huyện Dương Minh Châu

Bảng 1. Kết quả chăn nuôi heo thịt tại huyện

Năm	Tổng đàn (con)	Số lượng chăn nuôi trang trại		Tỷ lệ (%)
		Số trang trại	Số lượng (con)	
2017	57.530	49	46.385	80,63
2018	71.350	83	62.550	87,67
2019	96.540	119	92.500	95,82

Nguồn: Phòng NN&PTNT huyện Dương Minh Châu, 2019

Bảng 2. Số lượng trang trại chăn nuôi heo thịt phân theo đơn vị hành chính

Stt	Địa điểm	Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019	
		Số trang trại	Tỷ lệ (%)	Số trang trại	Tỷ lệ (%)	Số trang trại	Tỷ lệ (%)
1	Thị trấn	5	10,21	6	7,23	6	6,52
2	Xã Suối Đá	3	6,12	4	4,82	5	5,43
3	Xã Phan	2	4,08	2	2,41	3	3,26
4	Xã Bàu Nặng	8	16,33	8	9,64	7	7,61
5	Xã Chà Là	5	10,21	10	12,05	10	10,87
6	Xã Cầu Khởi	3	6,12	3	3,61	4	4,35
7	Xã Truong Mít	2	4,08	4	4,82	6	6,52
8	Xã Lộc Ninh	2	4,08	6	7,23	8	8,70
9	Xã Bến Củi	3	6,12	6	7,23	7	7,61
10	Xã Phước Minh	12	24,49	26	31,32	29	31,52
11	Xã Phước Ninh	4	8,16	8	9,64	7	7,61
	Tổng cộng	49	100	83	100	119	100

Nguồn: Phòng NN&PTNT huyện Dương Minh Châu, 2019

Bảng 3. Sản lượng thịt heo tiêu thụ của các trang trại chăn nuôi heo tại huyện

Năm	Thị trường tiêu thụ	Sản lượng thịt heo hơi (tấn)	Tỷ lệ (%)
2017	Trong tỉnh	7.865	37,15
	Ngoài tỉnh	13.307	62,85
	Tổng cộng	21.172	100
2018	Trong tỉnh	9.260	31,96
	Ngoài tỉnh	19.711	68,04
	Tổng cộng	28.971	100
2019	Trong tỉnh	11.500	27,86
	Ngoài tỉnh	29.778	72,14
	Tổng cộng	41.278	100

Nguồn: Phòng NN&PTNT huyện Dương Minh Châu, 2019

3.2. Kết quả kiểm soát chất lượng chăn nuôi heo thịt theo VietGAHP tại huyện

KSCL bao gồm một hệ thống các hoạt động được thiết kế, hoạch định để theo dõi đánh giá chất lượng các công việc liên quan đến toàn bộ quá trình sản xuất. KSCL trong chăn nuôi heo thịt theo VietGAHP là tập trung đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, thông qua kiểm soát các

yếu tố như cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, con giống, thức ăn chăn nuôi, các yếu tố về kỹ thuật, quản lý chất thải, bảo vệ môi trường và ghi chép, lưu trữ hồ sơ, truy nguyên nguồn gốc và thu hồi sản phẩm. Kết quả kiểm soát chất lượng chăn nuôi heo thịt theo VietGAHP tại các trang trại chăn nuôi heo thịt trên địa bàn huyện được ghi nhận như sau:

Bảng 4. Kết quả thực hiện chăn nuôi heo thịt theo VietGAHP tại huyện

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019	
		Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện
Số trang trại chăn nuôi heo	Hộ	50	49	60	83	72	119
	Con	50.000	46.385	60.000	62.550	65.000	92.500
Số trang trại chăn nuôi heo được cấp giấy chứng nhận VietGAHP	Hộ	13	6	22	18	25	40
	Con	12.500	9.600	22.000	24.500	23.250	58.600

Nguồn: Phòng NN&PTNT huyện Dương Minh Châu, 2019

Bảng 5. Quy trình thực hành chăn nuôi heo VietGAHP

Tiêu chí	QĐ số 1506/QĐ-BNN-KHCN ngày 15/5/2008 của Bộ NN và PTNT	QĐ số 4653/QĐ-BNN-CN ngày 10/11/2015 của Bộ NN và PTNT
Nội dung ban hành	Ban hành quy trình thực hành chăn nuôi tốt cho chăn nuôi lợn an toàn.	Ban hành 08 quy trình thực hành chăn nuôi tốt cho: bò sữa; bò thịt; dê sữa; dê thịt; lợn; gà; ngan-vịt và ong.
Nội dung quy trình	Gồm 17 tiêu chuẩn và 65 tiêu chí đánh giá. Nội dung các tiêu chí không được rõ ràng.	Gồm 14 tiêu chuẩn và 45 tiêu chí đánh giá. Nội dung các tiêu chí rõ ràng hơn.

Nguồn: Tác giả tổng hợp, 2020

Bảng 6. Kết quả đánh giá hoạt động các trang trại chăn nuôi heo tại huyện

Năm	Nội dung đánh giá	Tổng số trang trại	Kết quả đánh giá					
			Loại A		Loại B		Loại C	
			Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
2017	Thông tư số 45 của Bộ NN&PTNT	49	32	65,31	15	30,61	2	4,08
2018	Thông tư số 38 của Bộ NN&PTNT	83	53	63,86	24	28,91	6	7,23
2019	Thông tư số 38 của Bộ NN&PTNT	119	81	68,07	26	21,85	12	10,08

Nguồn: Phòng NN&PTNT huyện Dương Minh Châu, 2019

Huyện kiểm soát chăn nuôi heo thịt trên cơ sở đánh giá, xếp loại đối với các trang trại theo Quyết định số 4653/QĐ-BNN-CN ngày 10/11/2015 của Bộ NN&PTNT với mức lỗi gồm:

- ✓ Lỗi nhẹ: Là sai lệch so với quy chuẩn kỹ thuật, có ảnh hưởng đến an toàn thực phẩm hoặc gây trở ngại cho việc kiểm soát an toàn thực phẩm nhưng chưa đến mức nặng.

- ✓ Lỗi nặng: Là sai lệch so với quy chuẩn kỹ thuật, nếu kéo dài sẽ gây mất an toàn thực phẩm nhưng chưa tới mức nghiêm trọng.

- ✓ Lỗi nghiêm trọng: Là sai lệch so với quy chuẩn kỹ thuật, gây mất an toàn thực phẩm, ảnh hưởng tới sức khỏe người tiêu dùng (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2015).

Bảng 7. Kết quả đánh giá yếu tố “địa điểm”

Yếu tố	Mức đánh giá	Kết quả đánh giá		
		2017	2018	2019
Từ trang trại đến trường học, bệnh viện, khu dân cư, đường giao thông chính, nguồn nước mặt đạt khoảng cách tối thiểu là 100m; từ trang trại đến nhà máy chế biến, giết mổ và chợ buôn bán gia súc đạt khoảng cách tối thiểu là 1km; có đủ nguồn nước sạch phục vụ chăn nuôi và xử lý môi trường.	Đạt	26	48	75
	Tỷ lệ (%)	53,06	57,83	63,03
	Lỗi nhẹ	18	27	32
	Tỷ lệ (%)	36,73	32,53	26,89
	Lỗi nặng	5	8	12
	Tỷ lệ (%)	10,21	9,64	10,08
	Lỗi nghiêm trọng	-	-	-
	Tỷ lệ (%)	-	-	-
Tổng cộng trang trại heo		49	83	119

Nguồn: Tác giả tổng hợp, 2020

Bảng 8. Kết quả đánh giá yếu tố “Bố trí khu chăn nuôi”

Yếu tố	Mức đánh giá	Kết quả đánh giá		
		2017	2018	2019
Trại chăn nuôi có sơ đồ thiết kế, đảm bảo thông thoáng, phòng chống cháy nổ, an toàn sinh học, bố trí riêng biệt giữa các khu; có tường hoặc hàng rào bao quanh để kiểm soát người, động vật và phương tiện ra vào trại; tại cổng ra vào trại, các khu chuồng nuôi có bố trí hố khử trùng.	Đạt	39	68	95
	Tỷ lệ (%)	79,59	81,93	79,83
	Lỗi nhẹ	8	12	19
	Tỷ lệ (%)	16,33	14,46	15,97
	Lỗi nặng	2	3	5
	Tỷ lệ (%)	4,08	3,61	4,20
	Lỗi nghiêm trọng	-	-	-
	Tỷ lệ (%)	-	-	-
Tổng cộng trang trại heo		49	83	119

Nguồn: Tác giả tổng hợp, 2020

Bảng 9. Kết quả đánh giá yếu tố “Chuồng trại và thiết bị chăn nuôi”

Yếu tố	Mức đánh giá	Kết quả đánh giá		
		2017	2018	2019
Chuồng nuôi heo phải thiết kế phù hợp với từng lứa tuổi của heo và mục đích sản xuất; các thiết bị, dụng cụ sử dụng trong quá trình chăn nuôi heo thịt có đảm bảo an toàn và dễ vệ sinh, tẩy rửa.	Đạt	39	70	98
	Tỷ lệ (%)	79,59	84,34	82,35
	Lỗi nhẹ	9	10	19
	Tỷ lệ (%)	18,37	12,05	15,97
	Lỗi nặng	1	3	2
	Tỷ lệ (%)	2,04	3,61	1,68
	Lỗi nghiêm trọng	-	-	-
	Tỷ lệ (%)	-	-	-
Tổng cộng trang trại heo		49	83	119

Nguồn: Tác giả tổng hợp, 2020

Bảng 10. Kết quả đánh giá yếu tố “Giống và quản lý chăn nuôi”

Yếu tố	Mức đánh giá	Kết quả đánh giá		
		2017	2018	2019
Giống heo nuôi phải có nguồn gốc rõ ràng, khoẻ mạnh và được nuôi cách ly theo hướng dẫn; thực hiện quy trình chăn nuôi cho từng giống heo theo mục đích sử dụng; có áp dụng phương thức quản lý “cùng vào - cùng ra”.	Đạt	46	81	116
	Tỷ lệ (%)	93,88	97,59	97,48
	Lỗi nhẹ	3	2	3
	Tỷ lệ (%)	6,12	2,41	2,52
	Lỗi nặng	-	-	-
	Tỷ lệ (%)	-	-	-
	Lỗi nghiêm trọng	-	-	-
	Tỷ lệ (%)	-	-	-
Tổng cộng trang trại heo		49	83	119

Nguồn: Tác giả tổng hợp, 2020

Bảng 11. Kết quả đánh giá yếu tố “Vệ sinh chăn nuôi”

Yếu tố	Mức đánh giá	Kết quả đánh giá		
		2017	2018	2019
Trại có đầy đủ trang thiết bị và quy trình vệ sinh, tiêu độc, khử trùng; người và phương tiện ra vào trại phải thực hiện các biện pháp khử trùng; định kỳ phun thuốc khử trùng trong và ngoài chuồng nuôi; định kỳ phát quang bụi rậm và vệ sinh hệ thống cống rãnh xung quanh khu chuồng nuôi; sau mỗi đợt nuôi phải khử trùng chuồng và thiết bị.	Đạt	49	83	119
	Tỷ lệ (%)	100	100	100
	Lỗi nhẹ	-	-	-
	Tỷ lệ (%)	-	-	-
	Lỗi nặng	-	-	-
	Tỷ lệ (%)	-	-	-
	Lỗi nghiêm trọng	-	-	-
	Tỷ lệ (%)	-	-	-
Tổng cộng trang trại heo		49	83	119

Nguồn: Tác giả tổng hợp, 2020

Bảng 12. Kết quả đánh giá yếu tố “Quản lý thức ăn và nước uống trong chăn nuôi”

Yếu tố	Mức đánh giá	Kết quả đánh giá		
		2017	2018	2019
Sử dụng thức ăn có nguồn gốc rõ ràng, không có các hóa chất, kháng sinh trong danh mục hóa chất, kháng sinh cấm; thức ăn dự trữ phải được bảo quản khô ráo, thoáng, chống được động vật và côn trùng gây hại; không quá hạn sử dụng; nguồn nước cho chăn nuôi phải đảm bảo an toàn.	Đạt	39	75	107
	Tỷ lệ (%)	79,59	90,36	89,92
	Lỗi nhẹ	10	8	12
	Tỷ lệ (%)	20,41	9,64	10,08
	Lỗi nặng	-	-	-
	Tỷ lệ (%)	-	-	-
	Lỗi nghiêm trọng	-	-	-
	Tỷ lệ (%)	-	-	-
Tổng cộng trang trại heo		49	83	119

Nguồn: Tác giả tổng hợp, 2020

Bảng 13. Kết quả đánh giá yếu tố “Quản lý dịch bệnh”

Yếu tố	Mức đánh giá	Kết quả đánh giá		
		2017	2018	2019
Có quy trình phòng bệnh và thực hiện đúng; có hồ sơ theo dõi đàn heo về dịch bệnh; chỉ sử dụng các loại thuốc thú y có trong danh mục do Bộ NN&PTNT ban hành. Khi có heo ốm phải nhốt ra khu nuôi cách ly, phải báo cho cán bộ thú y để có biện pháp xử lý, phải ngừng xuất giống, sản phẩm và vật tư sử dụng trong chăn nuôi heo ra ngoài trại.	Đạt	41	77	110
	Tỷ lệ (%)	83,67	92,77	92,44
	Lỗi nhẹ	8	6	9
	Tỷ lệ (%)	16,33	7,23	7,56
	Lỗi nặng	-	-	-
	Tỷ lệ (%)	-	-	-
	Lỗi nghiêm trọng	-	-	-
	Tỷ lệ (%)	-	-	-
Tổng cộng trang trại heo		49	83	119

Nguồn: Tác giả tổng hợp, 2020

Bảng 14. Kết quả đánh giá yếu tố “Quản lý chất thải và bảo vệ môi trường”

Yếu tố	Mức đánh giá	Kết quả đánh giá		
		2017	2018	2019
Chất thải rắn phải được thu gom hàng ngày, chuyển đến nơi tập trung và xử lý theo quy định; chất thải lỏng phải được thu theo đường riêng vào khu xử lý chất thải và xử lý đảm bảo an toàn trước khi thải ra môi trường.	Đạt	32	65	94
	Tỷ lệ (%)	65,31	78,31	78,99
	Lỗi nhẹ	12	14	18
	Tỷ lệ (%)	24,49	16,87	15,13
	Lỗi nặng	5	4	7
	Tỷ lệ (%)	10,20	4,82	5,88
	Lỗi nghiêm trọng	-	-	-
	Tỷ lệ (%)	-	-	-
Tổng cộng trang trại heo		49	83	119

Nguồn: Tác giả tổng hợp, 2020

Bảng 15. Kết quả đánh giá yếu tố “Kiểm soát động vật và côn trùng gây hại”

Yếu tố	Mức đánh giá	Kết quả đánh giá		
		2017	2018	2019
Trại chăn nuôi phải có kế hoạch kiểm soát động vật, loài gặm nhấm và côn trùng gây hại.	Đạt	23	56	82
	Tỷ lệ (%)	46,94	67,47	68,91
	Lỗi nhẹ	19	18	23
	Tỷ lệ (%)	38,78	21,69	19,33
	Lỗi nặng	7	9	14
	Tỷ lệ (%)	14,28	10,84	11,76
	Lỗi nghiêm trọng	-	-	-
	Tỷ lệ (%)	-	-	-
Tổng cộng trang trại heo		49	83	119

Nguồn: Tác giả tổng hợp, 2020

Bảng 16. Kết quả đánh giá yếu tố “Quản lý nhân sự”

Yếu tố	Mức đánh giá	Kết quả đánh giá		
		2017	2018	2019
Có quy trình xử lý khẩn cấp khi có sự cố xảy ra; phải thực hiện theo Luật lao động đối với người lao động trong trại; người lao động phải được khám sức khỏe định kỳ; được tập huấn về các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn lao động, bảo vệ môi trường.	Đạt	23	50	73
	Tỷ lệ (%)	46,94	60,24	61,34
	Lỗi nhẹ	12	16	25
	Tỷ lệ (%)	24,49	19,28	21,01
	Lỗi nặng	14	17	21
	Tỷ lệ (%)	28,57	20,48	17,65
	Lỗi nghiêm trọng	-	-	-
	Tỷ lệ (%)	-	-	-
Tổng cộng trang trại heo		49	83	119

Nguồn: Tác giả tổng hợp, 2020

Bảng 17. Kết quả đánh giá yếu tố “Ghi chép, lưu trữ hồ sơ, truy nguyên nguồn gốc và thu hồi sản phẩm”

Yếu tố	Mức đánh giá	Kết quả đánh giá		
		2017	2018	2019
Trang trại chăn nuôi heo thịt phải lập các sổ, ghi chép theo dõi đầy đủ và lưu trữ các thông tin trong quá trình chăn nuôi.	Đạt	6	18	40
	Tỷ lệ (%)	12,24	21,69	33,61
	Lỗi nhẹ	9	13	24
	Tỷ lệ (%)	18,37	15,66	20,17
	Lỗi nặng	34	52	55
	Tỷ lệ (%)	69,39	62,65	46,22
	Lỗi nghiêm trọng	-	-	-
	Tỷ lệ (%)	-	-	-
Tổng cộng trang trại heo		49	83	119

Nguồn: Tác giả tổng hợp, 2020

4. THẢO LUẬN VỀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

4.1. Đánh giá chung về kiểm soát chất lượng chăn nuôi heo thịt tại huyện

KSCL chăn nuôi heo thịt theo VietGAPH tại huyện qua đánh giá đã thực hiện kiểm soát tốt 11 yếu tố trong giai đoạn 2017-2019.

Bảng 18. Kết quả kiểm soát chất lượng chăn nuôi heo thịt (Giai đoạn 2017-2019)

Yếu tố	Tỷ lệ bình quân (%)		
	Đạt	Lỗi nhẹ	Lỗi nặng
Địa điểm	57,97	32,05	9,98
Bố trí khu chăn nuôi	80,45	15,59	3,96
Chuồng trại và thiết bị chăn nuôi	82,09	15,47	2,44
Giống và quản lý chăn nuôi	96,32	3,68	-
Vệ sinh chăn nuôi	100	-	-
Quản lý thức ăn và nước uống	86,62	13,38	-
Quản lý vận chuyển	-	-	-
Quản lý dịch bệnh	89,63	10,37	-
Quản lý chất thải và bảo vệ môi trường	74,20	18,83	6,97
Kiểm soát động vật và côn trùng gây hại	61,11	26,60	12,29
Quản lý nhân sự	56,18	21,59	22,23
Ghi chép, lưu trữ hồ sơ, truy nguyên nguồn gốc và thu hồi sản phẩm	22,51	18,07	59,42
Tự kiểm tra	-	-	-
Khiếu nại và giải quyết khiếu nại	-	-	-

Nguồn: Tác giả tổng hợp, 2020

4.2. Điểm mạnh, điểm yếu và nguyên nhân hạn chế về kiểm soát chất lượng chăn nuôi heo thịt tại huyện:

Thông qua phương pháp chuyên gia nhận định thực trạng về kiểm soát chất lượng chăn nuôi heo thịt theo tiêu chuẩn VietGAHP tại huyện như sau:

4.2.1. Điểm mạnh về kiểm soát chất lượng chăn nuôi heo thịt tại huyện

• Các trang trại chăn nuôi heo ở địa phương có

nhiều kinh nghiệm trong quản lý chăn nuôi heo thịt. Từ đó đáp ứng yêu cầu KSCL theo quy trình chăn nuôi hiện đại.

• Các trang trại được cấp giấy chứng nhận VietGAHP đã nỗ lực thực hiện đúng quy trình thông qua KSCL trong toàn bộ quá trình chăn nuôi heo tại địa bàn huyện.

• Nhờ áp dụng KSCL theo VietGAHP nên huyện đã hạn chế thiệt hại khi xảy ra bệnh dịch tả heo châu Phi vào cuối năm 2019 trên

phạm vi khu vực quản lý.

4.2.2. Điểm yếu về kiểm soát chất lượng chăn nuôi heo thịt tại huyện

- Cơ quan chuyên môn ở huyện chưa xây dựng kế hoạch kiểm soát chặt chẽ việc cam kết thực hiện đối với các bên liên quan.
- Chưa có sự phối hợp tốt với tổ chức chứng nhận VietGAHP trên địa bàn huyện.
- Huyện đánh giá theo Thông tư số 45/2014/TT-BNN-PTNT và 38/2018/TT-BNN-PTNT cho thấy chưa kiểm soát được 03/14 yếu tố theo VietGAHP.

4.2.3. Nguyên nhân hạn chế về kiểm soát chất lượng chăn nuôi heo thịt tại huyện

- Bố trí kinh phí cho KSCL trong hoạt động chăn nuôi chưa nhiều, chỉ dừng ở mức kiểm tra, đánh giá định kỳ.
- Huyện chưa tiếp cận được kết quả đánh giá nội bộ theo VietGAHP tại các trang trại.

4.2.4. Định hướng kiểm soát chất lượng chăn nuôi heo thịt tại huyện từ 2021 đến 2023

Thứ nhất, kiểm tra, đánh giá áp dụng quy trình chăn nuôi đảm bảo an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường và sức khỏe cộng đồng cần được tiến hành thường xuyên, liên tục từ giám sát tình hình phòng chống dịch bệnh, hạ tầng, trang thiết bị, con giống, thức ăn chăn nuôi, các yếu tố về kỹ thuật, quản lý chất thải, bảo vệ

môi trường và ghi chép, lưu trữ hồ sơ, truy nguyên nguồn gốc và thu hồi sản phẩm.

Thứ hai, chủ trang trại phải tổ chức tiến hành kiểm tra, đánh giá nội bộ ít nhất mỗi năm/lần. Kết quả đánh giá là căn cứ trang trại chăn nuôi heo thịt đã tuân thủ thực hành VietGAHP và thực hiện ghi chép hồ sơ đầy đủ, chính xác theo yêu cầu.

Thứ ba, phối hợp với đơn vị tư vấn hướng dẫn trang trại chăn nuôi heo thịt áp dụng quy trình chăn nuôi heo theo VietGAHP; đồng thời đào tạo hệ thống tư vấn của huyện để hỗ trợ người chăn nuôi; những trang trại đánh giá cấp chứng nhận VietGAHP (Nhóm Ngân hàng thế giới, 2016; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2020).

5. KẾT LUẬN

Vai trò của kiểm soát chất lượng trong quy trình thực hành chăn nuôi tốt được áp dụng rộng rãi và trở thành xu hướng tất yếu cho phát triển nông nghiệp bền vững ở nhiều nước trên thế giới. Với phương thức kiểm soát chất lượng tiên tiến giúp nâng cao khả năng cạnh tranh cho ngành chăn nuôi heo của huyện trong bối cảnh mới. Bài nghiên cứu cung cấp thông tin cho quá trình nghiên cứu cũng như giảng dạy về kiểm soát chất lượng như một minh chứng cụ thể. Qua đó hỗ trợ cho sự hoàn thiện về tri thức lẫn thực hành trong lĩnh vực quản trị chất lượng và hướng đến mô hình quản lý tuyệt hảo trong mọi bối cảnh của nhiều phạm vi nghiên cứu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2015). *Quyết định số 4653/QĐ-BNN-CN ngày 10 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Quy trình thực hành chăn nuôi tốt (VietGAHP)*, 2015.

Cher Brethour et al. (2020). *Environmental and Economic impact Assessment of Environmental Regulation for the Agriculture sector – A case study of hog farming*. <https://ideas.repec.org/p/ags/aaacem/52727.html>. Truy cập ngày 01 tháng 3 năm 2020.

- Chia – Lin Chang et al. (2020). *Modelling the Asymmetric Volatility in Hog Prices in Taiwan: The Impact of Joining the WTO*. <https://www.sciencedirect.com/science/article/abs/pii/S0378475410001928>. Truy cập ngày 22 tháng 2 năm 2020.
- Dũng, H. M. & Hoàng, D. Q. (2020). Cải tiến hoạt động chăn nuôi heo theo VietGAPH tại huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. *Tạp chí Công thương*, 6, 121-131.
- Dũng, H. M. (2019). *Quản trị chất lượng*. Trường Đại học Thủ Dầu Một, Bình Dương, 2019.
- Harwood, D. D. (2020). *An Economic Analysis of The Social Costs of the industrialized Production of Pork in the United States*. http://www.pcifapia.org/_images/212-6_PCIFAP_Ecnmics_v5_tc.pdf 2006. Truy cập ngày 12 tháng 03 năm 2020.
- Hùng, T. T. (2017). *Phát triển chăn nuôi lợn ở tỉnh Thừa Thiên Huế* (Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế).
- Hương, L. T. M. (2017). *Phát triển mô hình trang trại chăn nuôi heo theo hướng hội nhập quốc tế ở Đồng Nai* (Luận án Tiến sĩ, Đại học Kinh tế - Luật TP HCM, Thành phố Hồ Chí Minh).
- Nhóm Ngân hàng Thế giới (2016). *Chuyển đổi nông nghiệp Việt Nam: Tăng giá trị, giảm đầu vào*. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Hồng Đức.
- Quyền, M. V. (2020). EurepGAP - GlobalGAP và các GAP của Châu Á, <https://sites.google.com/site/hoangkimvietnam/chaongaymoi/cy-lng-thc/san-xuat-lua-theo-gap/eurepgap-globalgap-nhan-thuc-va-ap-dung>. Truy cập ngày 19/2/2020.
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Tây Ninh (2020). *Báo cáo Định hướng phát triển nông nghiệp giai đoạn 2020 – 2025*.
- Thanh, P. X., Dân, L. T., & Cúc, M. T. (2014). Nghiên cứu về Phát triển chăn nuôi lợn thịt trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. *Tạp chí Khoa học và Phát triển*, 12(5), 769-778.
- TNVCert, GLOBAL G.A.P- Thực hành nông nghiệp tốt toàn cầu. <http://tnvcert.vn/global-g-a-p-thuc-hanh-nong-nghiep-tot-toan-cau/>. Truy cập ngày 10/2/2020.
- Ủy ban Nhân dân huyện Dương Minh Châu (2020). *Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội nhiệm kỳ 2015 - 2020 và Phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ 2020 - 2025*.
- Xuân, N. N. (2015). *Phát triển chăn nuôi heo theo quy trình VietGAHP tại Thành phố Hà Nội* (Luận án Tiến sĩ, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Hà Nội).

Study on quality control for the pig husbandry in accordance with vietGAPH at Duong Minh Chau district, Tay Ninh province

Hoang Manh Dung^{1,*} and Duong Quoc Hoang²

ABSTRACT

Vietnamese Good Animal Husbandry Practices (VietGAHP) are implementing the principles, processes, and protocols in animal farming in order to ensure the compliance of quality requirements, food safety regulations, social welfares and labor safety for breeders, environmental protection, and

products' origins tracking. Though Duong Minh Chau district was ranked No. 1 in pig farming in Tay Ninh province with the herd of 92500 pigs in 2019, most of the farms are small and scattered with low productivity, lack of diseases control, and low added-value products. This study aims at gaining insights into the practices of husbandry quality control in accordance with VietGAHP at Duong Minh Chau district, so as to help provide the guidelines to professionalizing and integrating into the new economy generation for their pig husbandry industry.

Keywords: VietGAHP, quality control for pig husbandry, Duong Minh Chau district, Tay Ninh province

Received: 25/12/2020

Revised: 14/01/2021

Accepted for publication: 22/02/2021